| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1054/2023/QĐST-HNGĐ | Tân Phú, ngày 26 tháng 10 năm 2023. |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 748/2023/HNST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích L năm: 1972;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H Sinh năm: 1972;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ cáo các Điều 55, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2023;

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích L năm: 1972;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H Sinh năm: 1972;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Bích L1 và ông Nguyễn Đình H. Quan hệ hôn nhân giữa bà L1 và ông H theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 41/2001, quyển số 01/P09 do Ủy ban nhân dân Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2001 chấm dứt kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Hai bên thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Minh C, sinh ngày 24/10/2012 cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/11/2023 cho đến khi con chung trưởng thành. Riêng con chung Nguyễn Minh T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà L1 có đơn yêu cầu thi hành cấp dưỡng nuôi con mà ông H không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân do bà L1 chịu, được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L1 đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006503 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. H1 lại cho bà L1 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu trên. Ông H phải chịu và 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- UBND Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phan Huỳnh Hoàng Phương**